

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DPR: HOSE)



MUA – Giá mục tiêu 1 năm: 91.000 đồng/cp

Giá cổ phiếu (ngày 29/10/2021): 80.200 đồng/cp

Nguyễn Trần Phương Nga

ngantp@ssi.com.vn

+84 28 3636 3688 ext. 3050

Ngày 29/10/2021

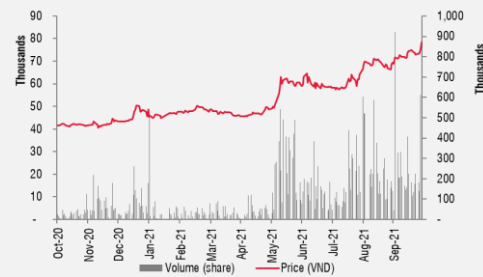
NGÀNH NGUYÊN VẬT LIỆU

Các chỉ tiêu chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD)	149
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng)	3.380
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	43
Giá cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	80/42,4
KLGD trung bình 3 tháng	235.206
GTGD trung bình 3T (tr USD)	0,71
GTGD trung bình 3T (tỷ VND)	16,06
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	7,65
Tỷ lệ sở hữu Nhà nước (%)	55,81

Nguồn: SSI Bloomberg

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

CTCP Cao su Đồng Phú (DPR) là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (GVR). Hoạt động kinh doanh chính là trồng cây cao su thu hoạch lấy cao su tự nhiên và sản xuất sản phẩm từ cây cao su (đệm, gối và nội thất). Khi cây cao su cho năng suất kém, công ty sẽ chặt bỏ và bán cho các công ty sản xuất gỗ.

Từ Cao su đến Khu công nghiệp

Chúng tôi khuyến nghị lần đầu đối với cổ phiếu DPR là **MUA**, với giá mục tiêu 1 năm là 91.000 đồng/cp – tương ứng mức sinh lời 17,5% (bao gồm 4% tỷ suất cổ tức). Chúng tôi nhận thấy tiềm năng đáng kể từ quỹ đất lớn của DPR, có thể chuyển sang đất khu công nghiệp – đây là một cơ hội lớn cho công ty để khai thác giá trị và doanh thu trong tương lai. Nhu cầu KCN tăng rõ rệt tại Bình Phước, đặc biệt khi dự án đường cao tốc nối TP.HCM – Bình Dương (Thủ Dầu Một) – Bình Phước (Chơn Thành) hoàn thành vào năm 2025. Giá thuê KCN tại Bình Dương tăng 50% từ 2019 đến nay (từ mức 80 USD/m² năm 2019 lên 120 USD/m² năm 2021). Dự án cao tốc hành thành có thể giúp tăng giá thuê tại Bình Phước. Ngoài ra, giá thuê tại Bình Phước thấp hơn 54%-59% so với Bình Dương (55-65 USD/m² tại Bình Phước so với 120-160 USD/m² tại Bình Dương) khiến các KCN ở Bình Phước trở nên hấp dẫn hơn nhiều đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng mảng kinh doanh truyền thông là cao su của DPR sẽ tiếp tục hưởng lợi từ giá thị trường tăng trong ngắn hạn. Ngoài ra, thu nhập từ thanh lý cây cao su sẽ đạt tăng trưởng 2 con số trong 2021-2022 nhờ nhu cầu xuất khẩu đồ nội thất hồi phục. Năm 2021, chúng tôi ước tính lợi nhuận tăng 28% so với cùng kỳ nhờ giá cao su thuận lợi và thu nhập từ thanh lý cây cao su tăng. Năm 2022, chúng tôi cho rằng DPR sẽ ghi nhận thu nhập bồi thường đất là 317 tỷ đồng – giúp lợi nhuận tăng 100% so với cùng kỳ.

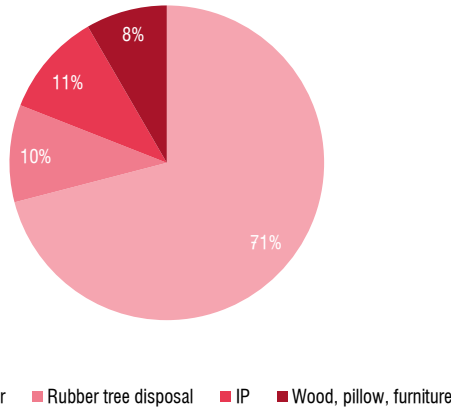
Rủi ro giảm đối với khuyến nghị:

- Thủ tục pháp lý bị trì hoãn đối với dự án Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú mở rộng
- Chậm chuyển nhượng đất
- Giá cao su điều chỉnh
- Thanh khoản cổ phiếu thấp

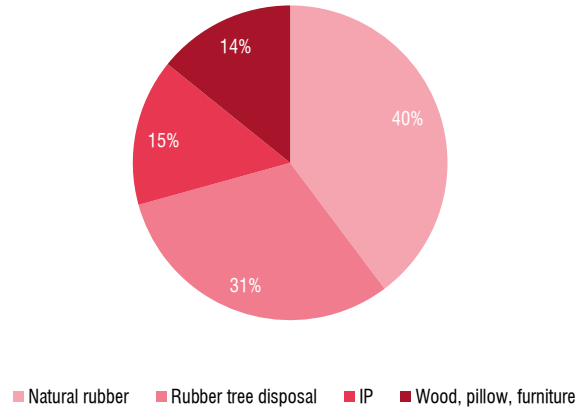
Tổng quan

CTCP Cao su Đồng Phú (DPR) là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (GVR). Hoạt động kinh doanh chính là trồng cây cao su thu hoạch lấy cao su tự nhiên và sản xuất sản phẩm từ cây cao su (đệm, gối và nội thất). Khi cây cao su cho năng suất kém, công ty sẽ chặt bỏ và bán cho các công ty sản xuất gỗ.

Cơ cấu doanh thu



Cơ cấu lợi nhuận gộp



Nguồn: DPR, SSI Research

Do quỹ đất lớn cho KCN trở nên khan hiếm trong thập kỷ qua, chính quyền địa phương quyết định chuyển đất trồng cao su thành đất KCN. DPR là một trong những công ty cao su theo xu hướng này. Năm 2009, DPR cùng với CTCP Cao su Bình Phước và CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (NTC: Upcom) thành lập CTCP KCN Bắc Đồng Phú, quản lý KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú. Năm 2020, tỷ lệ lấp đầy các KCN này là 92%.

Cơ cấu công ty

Công ty con	% sở hữu	Sản phẩm chính
CTCP Cao su Đồng Phú – Đăk Nông	88,4%	Cao su tự nhiên
CTCP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	76,8%	Đệm, gối, nội thất
CTCP Cao su Đồng Phú -Kratie	58,4%	Cao su tự nhiên
CTCP KCN Bắc Đồng Phú	51,0%	Khu công nghiệp

Nguồn: DPR

Chuyển đất trồng cây cao su thành khu công nghiệp

Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)
Trồng cây cao su	5.300
Đất để bàn giao cho bên thứ ba là công ty phát triển KCN	2.000
Dự án KCN của DPR	2.000
Tổng diện tích	9.300

Nguồn: DPR

Công ty mẹ DPR có ~9.300 ha đất đang quản lý. DPR không sở hữu đất mà thuê từ UBND Tỉnh Bình Phước. Công ty sẽ tiếp tục thuê 5.300 ha đất trồng cây cao su trong khi đó chuyển 4.000 ha thành đất khu công nghiệp.

Theo Quy hoạch phát triển KCN tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2030, DPR có thể chuyển đổi 4.000 ha thành khu công nghiệp hoặc khu nông nghiệp công nghệ cao. Các dự án trong 4.000 ha cần được trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi giao cho UBND Tỉnh Bình Phước hoàn thành thủ tục pháp lý. Vui lòng xem sơ đồ bên dưới:



Nguồn: SSI Research

Trong số 4.000 ha, DPR dành 2.000 ha cho dự án KCN của công ty trong tương lai, trong khi chuyển nhượng phần còn lại (2.000 ha) cho bên thứ ba là công ty phát triển KCN (trong giai đoạn 2021-2030).

	Tổng diện tích (ha)	Tình trạng pháp lý	
		Chờ UBND hoàn tất hồ sơ cấp phép	Theo quy hoạch 2021-2030
Đất bàn giao cho công ty phát triển KCN	2.000	317 ha UBND đã thu hồi 114 ha trong số 317 ha trong tháng 9/2021, phần còn lại đang tạm ngừng do dịch bệnh	1.683 ha
Dự án KCN của DPR	2.000	317 ha - Bắc Đồng Phú mở rộng 480 ha - Nam Đồng Phú mở rộng	1.203 ha

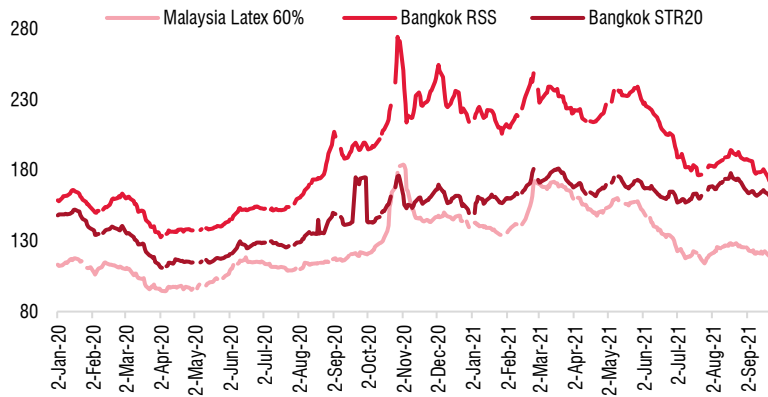
Nguồn: DPR, SSI Research

Theo kế hoạch này, tăng trưởng lợi nhuận trong ngắn hạn và dài hạn của DPR sẽ đến từ thu nhập bồi thường đất và thu nhập từ KCN. Giá thuê sẽ tăng khi dự án đường cao tốc TP.HCM – Bình Dương (Thủ Dầu Một) – Bình Phước (Chơn Thành) bắt đầu xây dựng. Chúng tôi ước tính việc xây dựng hoàn tất trong năm 2025.

Ước tính lợi nhuận 2021-2022

Cao su tự nhiên: Theo Hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC), nhu cầu cao su tự nhiên thế giới ước tính là 14,1 triệu tấn (+8,9% YoY) trong 2021, vượt cung là 13,8 triệu tấn (+1,4% YoY) – điều này lý giải giá bán cao su tự nhiên tăng. Giá tăng mạnh trong 9T2021 (giá xuất khẩu tăng trung bình 31% YoY) do các nước xuất khẩu cao su lớn giảm nguồn cung do giãn cách xã hội (Indonesia, Việt Nam, Malaysia, và Thái Lan). Do các quốc gia này đẩy nhanh tỷ lệ tiêm chủng vaccine / áp dụng phương pháp điều trị tốt hơn, chúng tôi ước tính giá cao su năm 2022 chỉ tăng ở mức 1 con số so với ~25% YoY như năm 2021.

Giá cao su tự nhiên (USD/kg)



Nguồn: ANRPC

Thu nhập từ bồi thường đất: Trong tháng 9/2021, UBND tỉnh Bình Phước ban hành quyết định thu hồi 114 ha đất (trong số 317 ha) từ DPR. Tuy nhiên, dịch bệnh Covid-19 đã gây ra bất ổn lớn trong kinh doanh, làm giảm nhu cầu KCN trong ngắn hạn. Do đó, các công ty KCN chưa đẩy nhanh tiến độ xin giấy phép. Chúng tôi cho rằng quy trình xin cấp phép cho 203 ha còn lại sẽ bị trì hoãn đến năm 2022.

Ước tính 2021-2022 của chúng tôi như sau:

	2020	2021	2022	
Cao su tự nhiên				
Doanh thu (tỷ đồng)	808	916	1.027	
		13%	12%	
Sản lượng tiêu thụ (1.000 tấn)	23	22	23	2021: Sản lượng tiêu thụ giảm do giãn cách xã hội
		-7%	7%	2022: Sản lượng tiêu thụ hồi phục
Giá bán trung bình (triệu đồng/tấn)	35	43	45	2021: giá bán tăng do thiếu nhân lực tại các nước XK cao su lớn, nguồn cung giảm
		22%	5%	2022: mức tăng giá bán trung bình chậm lại
Thanh lý cây cao su				
Doanh thu (tỷ đồng)	114	134	166	
		18%	24%	
Diện tích (ha)	455	500	580	2021: thấp hơn 593 ha so với kế hoạch của công ty do giãn cách xã hội trong Q3/2021, khiến việc đầu thầu cây cao su tạm hoãn.
		10%	16%	2022: hoạt động đầu thầu cây cao su hồi phục, giá định không còn giãn cách xã hội.
Giá bán trung bình (tỷ đồng/ha)	0,25	0,27	0,29	2021-2022: Nhu cầu từ các công ty XK nội thất hồi phục, hỗ trợ giá gỗ cây cao su
		7%	7%	
Khu công nghiệp				
Doanh thu (tỷ đồng)	121	127	69	
		4%	-45%	
Mức tăng diện tích cho thuê (ha)	10,5	10	5	2021: Tương tự mức năm 2020
		-5%	-50%	2022: Lắp đầy hết
Giá thuê (USD/m2/kỳ hạn)	50	55	60	2021-2022: Theo kế hoạch công ty
		10%	9%	
Thu nhập khác (tỷ đồng)				
Thu nhập bồi thường đất (tỷ đồng)	-	-	317	2022: Chuyển nhượng 317 ha đất thu về 1 tỷ đồng/ha
Tổng doanh thu (tỷ đồng)				
	1.043	1.176	1.579	
		13%	34%	
Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)				
	320	405	435	
	31%	34%	28%	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)				
	269	344	689	2021: Tăng trưởng nhờ: (1) giá cao su tự nhiên tăng ở mức 2 con số; và (2) thu nhập từ thanh lý cây cao su.
		28%	100%	2022: Tăng trưởng nhờ: (1) giá cao su tự nhiên tăng ở mức 1 con số; và (2) thu nhập từ thanh lý cây cao su và (3) thu nhập bồi thường đất.

Nguồn: SSI Research

KQKD công ty mẹ 9T2021

Doanh thu thuần công ty mẹ đạt 477 tỷ đồng (+12% YoY), hoàn thành 63% kế hoạch năm. Mặc dù giá cao su tự nhiên thuận lợi, lợi nhuận trước thuế giảm -4% so với cùng kỳ đạt 125 tỷ đồng (hoàn thành 30% kế hoạch 2021) do doanh thu thanh lý cây cao su giảm.

- **Cao su tự nhiên:** Doanh thu tăng 29% so với cùng kỳ đạt 398 tỷ đồng do sản lượng tiêu thụ và giá bán tăng 3% và 25% so với cùng kỳ. Với giá bán tăng, biên lợi nhuận gộp phân khúc này cải thiện từ 12% trong 9T2020 lên 20% trong 9T2021.
- **Thu nhập từ thanh lý cây cao su** chỉ đạt 39 tỷ đồng (-65% YoY). Do công ty không thể tổ chức đấu giá cây cao su do giãn cách xã hội trong Q3/2021, doanh thu phân khúc này giảm đáng kể. Sau khi kết thúc giãn cách xã hội, công ty có thể phục hồi hoạt động thanh lý cây cao su già trong Q4/2021.

Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp hợp nhất đạt 727 tỷ đồng (+15% YoY) và 195 tỷ đồng (+18% YoY). Mặc dù LNTT công ty mẹ giảm, LNTT hợp nhất vẫn tăng 18% so với cùng kỳ do lợi nhuận ổn định từ công ty con mảng cao su.

Dựa trên KQKD Q3/2021 và ước tính cả năm, LNTT Q4/2021 ước tính tăng 44% so với cùng kỳ lên 149 tỷ đồng do công ty tăng cường tổ chức đấu thầu cây cao su.

Sự kiện doanh nghiệp

Cổ tức tiền mặt năm 2021 ước tính là 30%-40% trên mệnh giá (tỷ suất cổ tức 4-5%). Chúng tôi ước tính công ty thông báo trả cổ tức trong tháng 11/2021.

Trong ĐHCĐ 2021, DPR đã thông qua việc tăng sở hữu tại công ty con là CTCP Cao su Đồng Phú - Đăk Nông từ 88,4% lên 100%. Công ty đã hoàn tất thủ tục cần thiết cho Ủy ban Chứng khoán để phát hành 443.025 cổ phiếu (1,03% tổng số lượng CP đang lưu hành) để hoán đổi. Chúng tôi ước tính sự kiện này sẽ hoàn tất trong Q1/2022.

Việc phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1 sẽ thực hiện sau khi hoán đổi cổ phiếu, giúp tăng thanh khoản cho cổ phiếu.

Định giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp SOTP để kết hợp tiềm năng việc chuyển nhượng đất và các dự án KCN sắp tới.

Về việc chuyển nhượng đất cho bên thứ ba là công ty phát triển KCN, chúng tôi tính 317 ha (tỷ lệ đền bù là 1 tỷ đồng/ha, ghi nhận năm 2022) vào kịch bản cơ sở. Trong khi đó, chúng tôi đưa 1.683 ha đất còn lại vào kịch bản cao (ghi nhận trong 2023-2030) trong dự báo của chúng tôi, do hiện tại có ít thông tin chi tiết.

Do Chính phủ đã phê duyệt dự án KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú mở rộng, chúng tôi thêm yếu tố này vào kịch bản cơ sở. Chúng tôi ước tính DPR sẽ hoàn tất thủ tục xin cấp phép cần thiết trong 6T2022 đối với KCN Bắc Đồng Phú mở rộng, giúp ghi nhận doanh thu 329 tỷ đồng trong 2023.

KCN Bắc Đồng Phú mở rộng		KCN Nam Đồng Phú mở rộng	
Diện tích đất ban đầu	317 ha	Diện tích đất ban đầu	480 ha
Năm hoạt động	2023	Năm hoạt động	2026
Giá thuê	65 USD/m ² /50 năm	Giá thuê	69 USD/ m ² /50 năm
NPV	815 tỷ đồng	NPV	950 tỷ đồng
Chiết khấu	9%	Chiết khấu	9%

Nguồn: SSI Research

	Phương pháp	Định giá, tỷ đồng	Kịch bản thấp	Kịch bản cơ sở	Kịch bản cao
Màng cao su	PE – dựa theo PE mục tiêu 10x	2.134	2.134	2.134	2.134
KCN Bắc Đồng Phú hiện tại (51% sở hữu)	DCF	42	42	42	42
Thu nhập bồi thường đất (317 ha)		254		254	254
KCN Bắc Đồng Phú mở rộng (51% sở hữu)	DCF	416		291	416
KCN Nam Đồng Phú mở rộng (51% sở hữu)	DCF	484		339	484
Thu nhập bồi thường đất (1683 ha còn lại)		916			458
Tổng		4.246	2.176	3.060	3.788
Tiền mặt tại thời điểm Q3/2021		852	852	852	852
Tổng		5.097	3.028	3.911	4.639
Số lượng CP đang lưu hành			43.000.000	43.000.000	43.000.000
Giá hợp lý tại T12/2022			70.409	90.958	107.891

Nguồn: SSI Research

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2019	2020	2021F	2022F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	312	366	583	974
+ Đầu tư ngắn hạn	789	496	496	496
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	85	146	110	117
+ Hàng tồn kho	128	162	189	202
+ Tài sản ngắn hạn khác	97	57	85	90
Tổng tài sản ngắn hạn	1.411	1.228	1.462	1.880
+ Các khoản phải thu dài hạn	43	46	51	55
+ GTCL Tài sản cố định	1.564	1.547	1.438	1.329
+ Bất động sản đầu tư	133	175	168	162
+ Tài sản dài hạn dở dang	255	167	215	219
+ Đầu tư dài hạn	173	140	140	140
+ Tài sản dài hạn khác	158	473	434	464
Tổng tài sản dài hạn	2.326	2.547	2.447	2.368
Tổng tài sản	3.737	3.775	3.909	4.248
+ Nợ ngắn hạn	592	556	584	624
Trong đó: vay ngắn hạn	106	104	87	93
+ Nợ dài hạn	867	894	917	962
Trong đó: vay dài hạn	175	105	130	121
Tổng nợ phải trả	1.459	1.450	1.500	1.586
+ Vốn góp	430	430	430	430
+ Thặng dư vốn cổ phần	147	147	147	147
+ Lợi nhuận chưa phân phối	161	154	197	370
+ Quý khác	1.539	1.594	1.635	1.716
Vốn chủ sở hữu	2.278	2.325	2.409	2.663
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.737	3.775	3.909	4.248
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	341	85	338	567
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-173	249	0	0
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-164	-281	-121	-176
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	4	53	217	391
Tiền đầu kỳ	277	312	366	583
Tiền cuối kỳ	281	364	583	974
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,38	2,21	2,51	3,01
Hệ số thanh toán nhanh	2,00	1,81	2,04	2,55
Hệ số thanh toán tiền mặt	1,86	1,55	1,85	2,36
Nợ ròng / EBITDA	-0,10	-0,23	-0,56	-0,69
Khả năng thanh toán lãi vay	14,42	19,82	40,66	81,65
Ngày phải thu	7,6	11,1	11,0	10,6
Ngày phải trả	7,3	4,0	3,2	3,5
Ngày tồn kho	65,8	64,9	73,8	76,8
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,61	0,62	0,62	0,63
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,39	0,38	0,38	0,37
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,64	0,62	0,62	0,60
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,09	0,09	0,08
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,04	0,04	0,03

Nguồn: Công ty, SSI ước tính

Tỷ đồng	2019	2020	2021F	2022F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	1.033	1.138	1.274	1.363
Giá vốn hàng bán	-763	-818	-869	-928
Lợi nhuận gộp	270	320	405	435
Doanh thu hoạt động tài chính	69	64	55	58
Chi phí tài chính	-23	-15	-9	-9
Thu nhập từ công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-19	-19	-19	-20
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-82	-92	-99	-106
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	215	258	333	358
Thu nhập khác	29	11	11	331
Lợi nhuận trước thuế	244	269	344	689
Lợi nhuận ròng	191	212	270	541
Lợi nhuận chia cho cổ đông	183	178	230	459
Lợi ích cổ đông thiểu số	8	34	41	81
EPS cơ bản (VND)	2.934	2.732	4.009	8.014
Giá trị sổ sách (VND)	41.428	41.850	42.859	46.873
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	5.000	4.000	3.000	4.000
EBIT	262	284	353	697
EBITDA	364	400	469	813
Tăng trưởng				
Doanh thu	0,3%	10,1%	12,0%	7,0%
EBITDA	-8,0%	9,8%	17,2%	73,4%
EBIT	-15,8%	8,3%	24,5%	97,4%
Lợi nhuận ròng	-18,7%	10,7%	27,7%	99,9%
Vốn chủ sở hữu	-6,9%	2,1%	3,6%	10,5%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	2,1%	1,0%	3,5%	8,7%
Định giá				
PE	13,4	16,2	19,6	9,8
PB	0,9	1,1	1,8	1,7
Giá/Doanh thu	1,6	1,7	2,7	2,5
Tỷ suất cổ tức	12,7%	9,0%	3,8%	5,1%
EV/EBITDA	2,4	3,1	7,2	4,2
EV/Doanh thu	0,8	1,1	2,7	2,5
Tỷ suất lợi nhuận				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	26,2%	28,1%	31,8%	31,9%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	17,0%	19,2%	22,5%	22,6%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	18,5%	18,6%	21,2%	39,7%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	1,9%	1,7%	1,5%	1,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	7,9%	8,0%	7,8%	7,8%
ROE	8,1%	9,2%	11,4%	21,3%
ROA	5,2%	5,6%	7,0%	13,3%
ROIC	7,8%	8,8%	10,7%	19,9%

KHUYẾN CÁO

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo. Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. SSI và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của SSI và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này.

SSI nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của SSI.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Chuyên viên phân tích

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Phân tích kỹ thuật

Lương Biện Nhân Quyền

Chuyên viên phân tích cao cấp

quyenlbn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Trần Trung Kiên

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

kientt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Nguyễn Thị Thanh Tú, CFA

Chuyên viên phân tích cao cấp

tuntt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8718

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715